

GÓP PHẦN NGHIÊN CỨU HỌ CÁ CHÌNH (ANGUILLIDAE) Ở VIỆT NAM

Nguyễn Hữu Dục

Khoa Sinh học - ĐHSP Hà Nội 1

Mai Đình Yên

Khoa Sinh học - ĐHTH Hà Nội

Các loài cá Chình trên thế giới đã biết cho đến nay không nhiều; chỉ gồm 19 loài và phân loài. Chúng phân bố khắp nơi trên thế giới, trừ 2 cực.

Thịt cá Chình thơm ngon được thị trường nhiều nước trên thế giới ưa chuộng vì vậy chúng là những đặc sản quý có giá trị xuất khẩu. Một số nước trên thế giới như Nhật Bản, Đài Loan... đã hình thành nghề nuôi cá Chình.

Các công trình nghiên cứu có đề cập đến cá Chình ở Việt Nam cho đến nay có các tác giả sau:

- *Tirant G.* 1883 (6) mô tả loài cá Chình *Anguilla bengalensis* Günther ở sông Hương.
- *Chevey P. et Lemasson* 1937 (2) mô tả loài cá Chình Nhật *Anguilla japonica* Tem. and Sch. ở sông Hồng.
- *Nguyễn Hữu Dục*, 1982 (8) gặp loài *Anguilla bengalensis* Günther ở sông Hương.
- *Nguyễn Thái Tự*, 1983 (10) gặp loại cá Chình hoa ở sông Lam.

Trong quá trình nghiên cứu khu hệ cá nước ngọt các tỉnh miền Trung và Nam Trung bộ từ năm 1977 đến nay chúng tôi đã thu thập 10 mẫu cá Chình ở các thủy vực: sông Hương (Thừa Thiên Huế), sông Trà Khúc, sông Vệ (Quảng Ngãi), đầm Châu Chúc, sông Côn (Bình Định), sông Ba (Phú Yên). Tất cả các mẫu trên được lưu trữ tại Phòng vật mẫu, bộ môn Động vật học, khoa Sinh học, Trường đại học Sư phạm Hà Nội 1.

Chúng tôi đã định loại được 3 loài cá Chình thuộc vùng nghiên cứu của chúng tôi. Như vậy nếu tính cả loài cá Chình Nhật *Anguilla japonica* ở sông Hồng thì ở Việt Nam có tất cả 4 loài cá Chình được phân biệt bởi khóa định loại dưới đây:

KHÓA ĐỊNH LOẠI HỌ CÁ CHÌNH Ở VIỆT NAM

1 (6) Khởi điểm vây lưng nằm cao hơn khởi điểm của vây hậu môn nhiều, tối thiểu bằng 2/3 chiều dài đầu.

2 (3) Cơ thể có chấm hoa đen rải rác...

Anguilla marmorata

3 (2) Cơ thể không có chấm hoa

4 (5) Chiều dài đầu bằng khoảng cách giữa khởi điểm của vây lưng và khởi điểm của vây hậu môn...

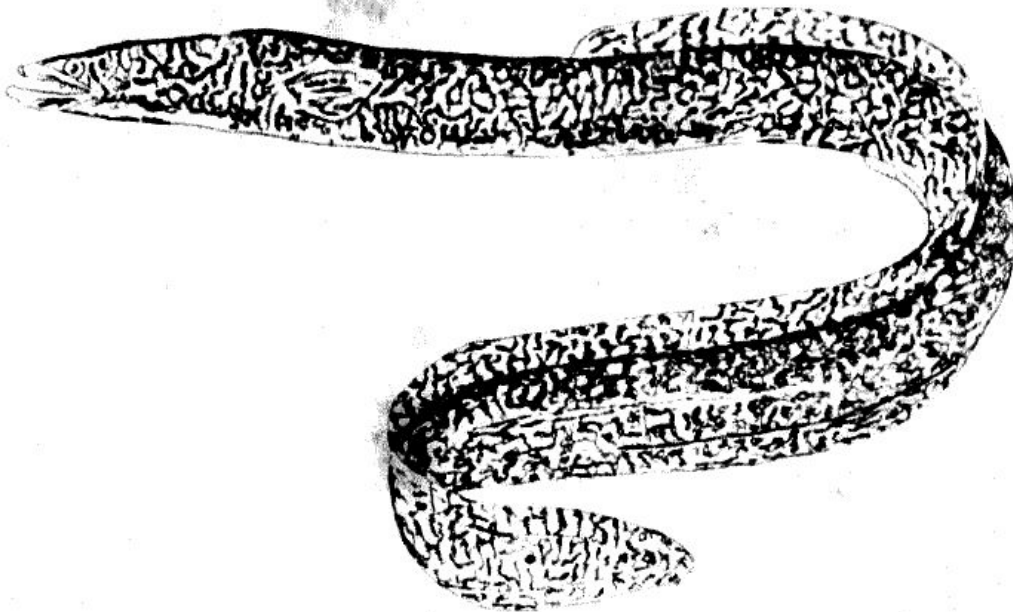
Anguilla borneensis

5 (4) Chiều dài đầu lớn hơn khoảng cách giữa khởi điểm vây lưng và khởi điểm vây hậu môn... *Anguilla japonica*

6 (1) Khởi điểm vây lưng nằm đối diện hoặc gần đối diện với khởi điểm vây hậu môn... *Anguilla bicolor pacifica*

ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI VÀ PHÂN BỐ CỦA TỪNG LOÀI

1. Loài cá chình hoa *Anguilla marmorata* Quoy and Gaimard, 1824 (Hình 1)



Hình 1 : *Anguilla marmorata*

- *Anguilla marmorata*, Quoy and Gaimard, 1824, voy. Uranie Zool., p. 241, pl. 51, fig. 2 waigco; Ege, 1939 Dana Rep., no 17, p. 36, pl. 1, fig. 8, text figs 12 and 14.

- *Anguilla mauritiana*, Weber and De Beaufort, 1916. Fishes Indo-Austr. Arch, 3:245 (part)

- *Anguilla bengalensis*, Nguyễn Hữu Dực, 1982, Khu hệ cá sông Hương, TBKH ĐHSP Hà Nội 1, II/1982, p. 20; Nguyễn Thái Tự, 1983, Khu hệ cá sông Lam, Tóm tắt luận án PTS Sinh học.

- Tên địa phương : Cá Chình bông.

- Nơi thu mẫu : sông Hương, sông Trà Khúc, đầm Châu Chúc, sông Côn và sông Ba.

- Số tiêu bản nghiên cứu : 6.

Mô tả : $L_0 = 345 - 565$ mm.

Chiều dài toàn thân cá gấp 13 đến 16 lần chiều cao lớn nhất của thân, 6,2 đến 6,9 lần chiều dài đầu. Chiều dài mõm bằng khoảng cách giữa 2 ổ mắt và gấp từ 2 đến 2,5 lần đường kính mắt. Chiều dài đầu gấp 10 lần đường kính mắt, gấp từ 4,5 đến 6 lần chiều dài mõm. Rạch miệng kéo dài đến quá cạnh sau ổ mắt. Chiều dài đầu lớn hơn khoảng cách từ khe mang đến khởi điểm vây lưng; bằng, lớn hơn hoặc nhỏ hơn chút ít khoảng cách giữa khởi điểm vây lưng và khởi điểm vây hậu môn. Khởi điểm vây lưng gần khe mang hơn lỗ hậu môn. Chiều dài mõm lớn hơn chiều rộng của đáy miệng. Răng trên xương gian hàm và xương lá mía tạo thành một dải rộng ở phía trước, hẹp dần về phía sau và kết thúc bằng đuôi nhọn. Răng trên xương hàm trên có khoảng trống giữa hàng răng phía trong và các hàng răng phía ngoài. Dải răng trên xương lá mía kết thúc trước các dải răng trên xương hàm trên.

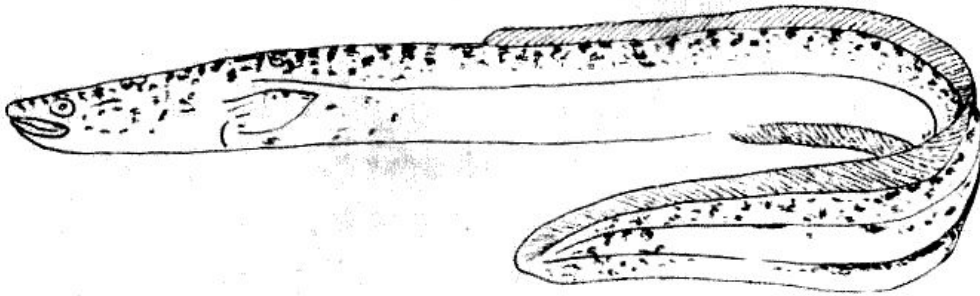
Cá có màu thẫm phía lưng, sáng màu phía bụng. Trên thân có nhiều chấm hoa đen.

Cá có thể đạt tới chiều dài 1,2 m.

Phân bố : Cá Chình hoa phân bố rất rộng; chúng có mặt ở cả miền nhiệt đới lẫn miền ôn đới; Cá ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Ở Việt Nam cá phân bố ở miền Trung, giới hạn cao nhất ở phía Bắc là sông Lam và giới hạn thấp nhất là sông Ba.

2. Loài cá chình nhọn *Anguilla borneensis*. Popta, 1924 (Hình 2)



Hình 2 : *Anguilla borneensis*

- *Anguilla borneensis* Popta, 1924 zool. Meded., 8: 73, fig. a, b Bo River Borneo; Ege, 1939 Dana Rep., no 16, p. 89, pl. 2. fig 1, text figs. 16-23; R. F. Inger and P. K. Chin, 1962 Fieldiana zool. vol. 45, p. 39, fig. 14 b.

- Tên địa phương : cá chình nhọn

- Nơi thu mẫu : đầm Châu Chúc.

- Số tiêu bản nghiên cứu : 1

Mô tả : $L_0 = 733$ mm

Chiều dài toàn thân cá gấp 13,3 lần chiều cao lớn nhất của thân; 8,2 lần chiều dài đầu. Khoảng cách giữa 2 ổ mắt gấp hai lần đường kính mắt. Chiều dài mõm gấp 1,7 lần đường kính mắt. Rạp miệng kéo dài tới cạnh sau ổ mắt. Chiều dài đầu nhỏ hơn khoảng cách từ khe mang tới lỗ hậu môn. Bề ngang gốc mõm lớn hơn chiều dài mõm. Răng trên xương gian hàm và xương lá mía tạo thành một dải rộng ở phía trước, hẹp dần ở phía sau và kết thúc trước hai dải răng trên xương hàm trên một chút.

Cá có màu xám tro ở mặt lưng, vàng nhạt ở mặt bụng. Không có vân chấm hoa. Vây lưng xám màu. Vây hậu môn phía trước sáng màu, phía sau sẫm màu. Rìa vây lưng, vây hậu môn cùng với vây đuôi có màu đen.

Phân bố : Vùng Borneo, Indonesia.

Ở Việt Nam mới chỉ thấy ở vùng Bình Định.

3. Loài cá Chình mun *Anguilla bicolor pacifica* (Schmidt) 1928 (Hình 3)

- *Anguilla pacifica* Schmidt, 1928, Rec. Austr. Mus., 16: 190 - 191 Philippines to New Guin

- *Anguilla bicolor pacifica* Ege, 1939, Dana Rep., no 16, p. 151 pl. 2, fig. 7. text figs. 34 a 39.

- *Anguilla spengeli* Weber and de Beaufort, 1916, Fishes Indo-Aust. Arch., 3:249

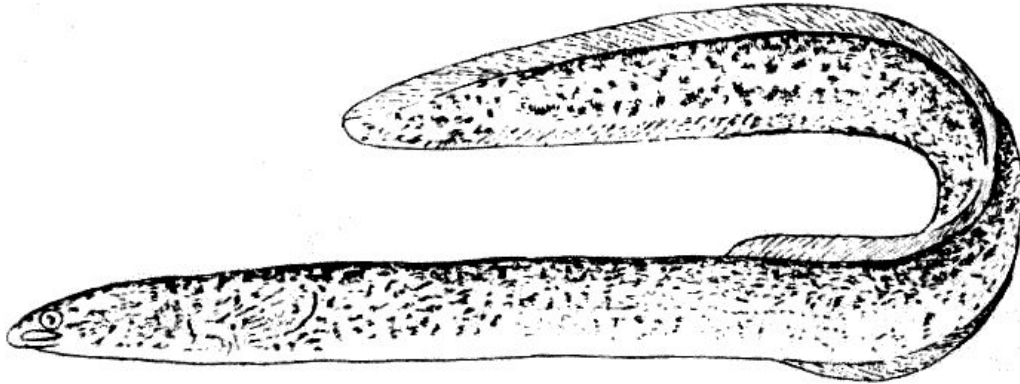
- Tên địa phương : Cá chình nhót.

- Nơi thu mẫu : Đầm Châu Chúc, sông Trà Khúc, sông Vệ.

- Số tiêu bản nghiên cứu : 3.

Mô tả : $L_0 = 333 - 375$ mm.

Cá có khởi điểm của vây hậu môn gần đối diện với khởi điểm của vây lưng.



Hình 3 : *Anguilla bicolor pacifica*

Chiều dài thân gấp từ 14 đến 17 lần chiều cao lớn nhất của thân; từ 6,7 đến 7,6 lần chiều dài đầu. Khoảng cách giữa hai ổ mắt gấp từ 2,5 lần đến 3 lần đường kính mắt. Chiều dài đầu gấp từ 2,9 đến 3,7 lần chiều dài rạch miệng. Rạch miệng kéo dài tới cạnh sau ổ mắt. Khoảng cách từ khe mang đến lỗ hậu môn gấp đôi chiều dài đầu. Bề ngang gốc mõm lớn hơn chiều dài mõm. Răng hàm trên và dải răng trên xương gian hàm và xương lá mía đều rộng. Đuôi của mỗi dải đều không quá nhọn. Dải răng trên xương lá mía kết thúc trước hai dải răng trên xương hàm trên chút ít.

Cá có màu xám ở phía lưng, trắng ngà vàng ở phía bụng. Ranh giới giữa hai màu phía lưng và phía bụng rõ ràng. Vây lưng màu xám, vây hậu môn sáng màu ở phía trước, sẫm màu ở phía sau.

Cá có thể đạt tới kích thước 1m.

Phân bố :

- Trên thế giới: Australia, Indonesia, Philipin.

- Việt Nam: từ Thừa Thiên đến Bình Định.

4. **Loài cá chình Nhật *Anguilla japonica* Tem. and Sh. 1846**

- *Anguilla japonica* Tem. and Sch. 1846 in Siebold, Fauna japonica Pisces : 258, pl. CXIII, fig. 2 (Nhật Bản)

- P. Chevey và Lemasson, 1937 : 114, fig. 78

Không có mẫu vật. Mô tả dưới đây theo P. Chevey và Lemasson (1937 : 117)

$L_0 = 680$ mm

Chiều dài thân gấp từ 16-18,5 lần chiều cao thân, 9-10 lần chiều dài đầu. Chiều dài đầu gấp từ 10 đến 11 lần đường kính mắt, 7-8 lần khoảng cách giữa hai ổ mắt.

Vây lưng lùi về phía sau và liên tục với vây đuôi và vây hậu môn. Vây ngực tồn tại, vây bụng thiếu.

Cá có màu nâu ánh xanh.

Cá chình Nhật phân bố ở Nhật Bản và Trung Quốc

Ở Việt Nam lần đầu tiên P. Chevey bắt được ở Thanh Trì (sông Hồng) và thông báo năm 1935. Từ đó đến nay không tác giả nào gặp nữa.

Trên thế giới loài cá chình được chọn làm đối tượng nuôi là cá chình Nhật (*Anguilla japonica*). Ở Việt Nam loài này rất hiếm nên khó mà có giống của nó. Loài cá chình mun là một loài cá quý vì thịt của nó rất ngon, chúng có kích thước khá lớn và đặc biệt chúng có khả năng chịu nhốt và nhịn đói vài ba tháng mà vẫn sống vì vậy rất thích hợp cho việc vận chuyển đi xa, xuất khẩu. Theo chúng tôi cần nghiên cứu kỹ hơn về đặc điểm sinh học và sinh thái học của loài này để có thể biến nó thành đối tượng cá nuôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boulenger, 1915: Catalogue of freshwater fishes of Africa.
2. Chevey et Lemasson, 1937: Contribution a l'etude des poissons des eaux douces tonkinoises, Hanoi.
3. Inger F. R. and Chin P. K., 1962: The freshwater fishes of North Borneo, Fieldiana: zool, Vol. 45 Pub. by Chicago Natural History Museum.
4. Isao Matsui, Theory and Practice of eel culture. Aquaculture series 4aAA. Balkema/Rosterdam.
5. Tesch F. F. W. Greenwood P. H. : Eel species, their Developmental Stage and their distribution, in the eel Biology and Management of *Anguilla* Eels.
6. Tirant G. 1883: Memoire sur les Poissons de la riviere de Hue. Bull. S. Et. Ind. de Saigon.
7. Webeer M. and Beaufort L. F. 1916: The fishes of the Indo-Australian Archipelago III Ostariophysi: II Cyprinoides, Apodes, Synbranchi, Leiden.
8. Nguyễn Hữu Đức, 1982 : Khu hệ cá nước ngọt sông Hương, Thông báo khoa học Trường ĐHSP Hà Nội 1 : II/1982.
9. Nguyễn Thái Tự, 1983 : Tóm tắt luận án PTS Sinh học.
10. Mai Đình Yên, 1978 : Định loại các loài cá nước ngọt miền Bắc Việt Nam. NXB KHKT.

CONTRIBUTION TO STUDY FAMILY OF ANGUILLA EEL IN VIETNAM

Nguyen Huu Duc

Hanoi National Pedagogic University

Mai Dinh Yen

Hanoi National University

In this paper, four species of *Anguilla* Shaw, 1803 (*Anguillidae* - *Anguilliformes*) from the fauna of some Vietnamese waterbodies were described and their recognized key is established. They are *Anguilla marmorata*, Quoy and Gaimard, 1824; *Anguilla borneensis*, Popta, 1924; *Anguilla bicolor pacifica*, (Schmidt), 1928 and *Anguilla japonica*, Tem. and Sch. 1846. We also indicated their geographical distribution in Vietnam.